

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

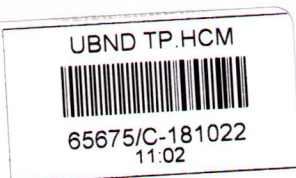
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16 /2022/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông
công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy
định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14
tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một
số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 3381/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 779/BC-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác theo chương trình giáo dục phổ thông của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông

1. Mức học phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được chia thành 2 nhóm đối tượng như sau:

a) Nhóm 1: Học sinh học tại các trường ở Thành phố Thủ Đức và các Quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

b) Nhóm 2: Học sinh học tại các trường ở các Huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ.

2. Mức học phí của năm học 2022-2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

Cấp học	Mức học phí (Nghìn đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	300	120
Mẫu giáo	300	100
Tiểu học	300	100
Trung học cơ sở	300	100
Trung học phổ thông	300	200

Mức học phí đối với Cấp tiểu học quy định tại điểm này không phải là mức thu thực tế cho phép thu, chỉ làm căn cứ thực hiện chính sách: hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định.

3. Mức học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

a) Từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025 - 2026: áp dụng mức học phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Trường hợp điều chỉnh mức thu học phí thì Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không quá 7,5%/năm và không vượt mức trần quy định theo khung học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Từ năm học 2026 - 2027 trở đi, căn cứ chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không quá 7,5%/năm và không vượt mức trần quy định theo khung học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Khung học phí năm học 2022 - 2023 và từ năm học 2023 - 2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

a) Khung học phí năm học 2022 - 2023

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: không quá 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: không quá 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên		Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	300 đến 1.080	100 đến 440	300 đến 1.350	100 đến 550
Mẫu giáo	300 đến 1.080	100 đến 440	300 đến 1.350	100 đến 550
Tiểu học	Không thu		Không thu	
THCS	300 đến 1.300	100 đến 540	300 đến 1.625	100 đến 675
THPT	300 đến 1.300	200 đến 660	300 đến 1.625	200 đến 825

b) Từ năm học 2023 - 2024: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

5. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (học online) bằng 50% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố ban hành mức thu học phí cụ thể cho từng cấp học đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Thời gian thực hiện mức thu học phí: Từ năm học 2022 - 2023.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND-UBND TP Thủ Đức, 05 huyện, xã, thị trấn;
- UBND các quận, phường;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-Tuyên).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ